

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2023/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định việc thu nộp, quản lý và sử dụng kinh phí để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIII, Kỳ họp thứ 2 về mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIII, Kỳ họp thứ 9 quy định chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 6 ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2894/TTr-STC ngày 31/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc thu nộp, quản lý và sử dụng kinh phí để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2023 và thay thế Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định việc thu nộp, quản lý và sử dụng kinh phí để bảo vệ phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định việc thu nộp, quản lý và sử dụng kinh phí để bảo vệ phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Công Thương; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên; Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trịnh Việt Hùng

QUY ĐỊNH**Việc thu nộp, quản lý và sử dụng kinh phí để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

(Kèm theo Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định việc thu nộp, quản lý và sử dụng kinh phí để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, Điều 2 Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP và Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIII, Kỳ họp thứ 2 về mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước và các tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến việc thu nộp, quản lý và sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Khoản thu từ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

1. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (gọi chung là người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất) để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước phải thực hiện các quy định của pháp luật về đất đai và phải nộp một khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

2. Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa bằng 50% giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhân (x) với diện tích đất chuyển đổi mục đích tại địa bàn xã, phường, thị trấn, cụ thể như sau:

Mức thu tiền bảo vệ,
phát triển đất trồng lúa = 50% x Giá đất trồng lúa x Diện tích đất

Trong đó:

a) Giá đất trồng lúa: Là mức giá được quy định theo từng vị trí tại quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo từng giai đoạn.

b) Diện tích đất: Là diện tích đất chuyên trồng lúa được phép chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp theo quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Tổ chức thu nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

1. Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm nộp số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đã được cơ quan tài chính thông báo vào ngân sách cấp tỉnh tại Kho bạc Nhà nước (hoặc các Ngân hàng thương mại đã được Kho bạc Nhà nước ủy quyền thu ngân sách nhà nước trên địa bàn cùng cấp). Tài khoản: 7111; Chương: Là chương của đơn vị nộp tiền nếu có; Tiểu mục: 4914; Mã quan hệ ngân sách: Là mã quan hệ ngân sách của cơ quan quản lý thu. Trên chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước, ngoài các nội dung và thông tin theo quy định, phải ghi rõ nội dung nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo Thông báo số, ngày, tháng, năm của cơ quan tài chính.

Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày Cơ quan tài chính (Sở Tài chính hoặc Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện) thông báo số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm nộp đủ số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nêu trên vào ngân sách nhà nước. Quá thời hạn nêu trên, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất sẽ phải nộp thêm tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

2. Cơ quan tài chính phối hợp với các cơ quan liên quan căn cứ thông báo xác định số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp, chứng từ đã nộp tiền của người được nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng

đất gửi, thực hiện đôn đốc, tổng hợp, theo dõi số tiền: Phải nộp, đã nộp, còn phải nộp (bao gồm cả số tiền chậm nộp nếu có) theo quy định.

3. Cơ quan Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm thu và hạch toán số thu nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, tính và thu tiền chậm nộp (nếu có) vào ngân sách tỉnh. Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa được hạch toán vào Tiểu mục 4914; tiền chậm nộp được hạch toán vào Tiểu mục 4947.

4. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra kết quả nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và tiền chậm nộp (nếu có) trong hồ sơ xin giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước khi trình cơ quan có thẩm quyền quyết định, trừ trường hợp được miễn, được ghi nợ nghĩa vụ tài chính (trong đó có tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa) theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Số tiền người được nhà nước giao đất, cho thuê đất nộp để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích sử dụng từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp không được tính đối trừ vào tiền thuê đất, tiền sử dụng đất phải nộp.

Điều 4. Quản lý và sử dụng số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

1. Số tiền thu được theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy định này và nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ được sử dụng để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phù hợp với điều kiện của địa phương theo nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ và Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-BTC ngày 06/1/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

a) Hỗ trợ cho người trồng lúa: Sử dụng không thấp hơn 50% kinh phí dùng hỗ trợ người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-BTC ngày 06/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, trong đó:

- Hỗ trợ liên kết sản xuất lúa, tiêu thụ sản phẩm: Chính sách và điều kiện được hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

- Hỗ trợ cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lúa: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 4 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định nội dung chi, mức hỗ trợ hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các chương trình, đề án, kế hoạch của tỉnh về nông nghiệp, nông thôn.

b) Phần kinh phí còn lại để thực hiện các công việc sau:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-BTC ngày 06/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: Phân tích chất lượng hóa, lý tính các vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất, chất lượng cao định kỳ 10 năm; cải tạo, nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại; đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, trong đó ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trên đất trồng lúa; khai hoang, phục hóa đất chưa sử dụng thành đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại.

3. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-BTC ngày 06/1/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hàng năm, trước ngày 31 tháng 12 tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý và sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các ngành, đơn vị có liên quan thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh.

c) Tổng hợp diện tích đất chuyên trồng lúa đã thực hiện chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp; số tiền người được giao đất, cho thuê đất đã nộp thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 3 Quy định này, gửi Sở Tài chính trước ngày 01 tháng 10 hàng năm làm cơ sở xây dựng dự toán năm sau và tổng hợp báo cáo năm vào ngày 20 tháng 01 của năm tiếp theo.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Xác định các loại cây trồng hàng năm, cây lâu năm hoặc loại thủy sản phù hợp cho chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại địa phương theo quy định tại Khoản 7, Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của địa phương;

c) Đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, tổng hợp kết quả thực hiện của các địa phương, đơn vị; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

d) Chủ trì phối hợp với các đơn vị, địa phương tổng hợp phương án sử dụng số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa gửi Sở Tài chính trước ngày 01 tháng 10 làm cơ sở xây dựng dự toán năm sau, đồng thời tổng hợp quyết toán kinh phí sử dụng trong năm trước ngày 20 tháng 01 của năm tiếp theo.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất nội dung dự toán, kết quả thực hiện của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân

tình báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh việc phân bổ, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Tổ chức thực hiện các nội dung theo quy định tại Khoản 9, Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ.

b) Tổng hợp diện tích đất chuyên trồng lúa đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất sang đất phi nông nghiệp; số tiền người được giao đất, cho thuê đất phải nộp, đã nộp, còn phải nộp thuộc thẩm quyền thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các dự án thực hiện theo phương thức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 3 Quy định này; báo cáo kết quả sử dụng và đề xuất nội dung, dự toán thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa gửi Sở Tài chính cùng thời gian xây dựng dự toán hàng năm; tổng hợp báo cáo năm vào ngày 20 tháng 01 của năm tiếp theo.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, kịp thời điều chỉnh, bổ sung theo quy định.